

U BAN NHÂN DÂN C NG HOÀ XÃ H ICH NGH A VI T NAM
T NH TUYÊN QUANG c l p - T do - H nh phúc

S : 232 /Q -UBND

Tuyên Quang, ngày 22 tháng 7 n m 2016.

QUY T NH

V vi c phê duy t án kiên c hóa kênh m ng
giai o n 2016 - 2025 trên a bàn t nh Tuyên Quang

U BAN NHÂN DÂN T NH TUYÊN QUANG

C n c Lu t T ch c chính quy n a ph ng ngày 19 tháng 6 n m 2015;

C n c Ngh quy t Ban Ch p hành ng b t nh l n th XVI, nhi m k 2015 - 2020; Ngh quy t s 15-NQ/TU ngày 22/5/2016 c a Ban Th ng v T nh y (Khóa XVI) v kiên c hóa kênh m ng, bê tông hóa ng giao thông n i ng và xây d ng nhà v n hóa thôn, b n, t nhân dân g n v i sân th thao và khuôn viên trên a bàn t nh giai o n 2016 - 2020; K t lu n s 25-KL/TU ngày 13/4/2016 c a H i ngh Ban Th ng v T nh y (K th 4);

C n c Quy t nh s 491/Q -TTg ngày 16/4/2009 c a Th t ng Chính ph v vi c ban hành B tiêu chí Qu c gia v nông thôn m i; Quy t nh s 800/Q -TTg ngày 04/6/2010 c a Th t ng Chính ph v vi c phê duy t Ch ng trình m c tiêu Qu c gia v xây d ng nông thôn m i giai o n 2010 - 2020; Quy t nh s 342/Q -TTg ngày 20/02/2013 c a Th t ng Chính ph v vi c s a i m t s tiêu chí c a B tiêu chí Qu c gia v nông thôn m i;

C n c Quy t nh s 899/Q -TTg ngày 10/6/2013 c a Th t ng Chính ph v phê duy t án tái c c u ngành nông nghi p theo h ng nâng cao giá tr gia t ng và phát tri n b n v ng; Quy t nh s 794/Q -BNN-TCTL ngày 21/4/2014 c a B tr ng B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn v phê duy t án tái c c u ngành th y l i;

C n c Công v n s 2003/TTg-KTN ngày 05/11/2015 c a Th t ng Chính ph v vi c huy ng v n óng góp c a dân th c hi n Ch ng trình m c tiêu Qu c gia xây d ng nông thôn m i;

Theo ngh c a Giám c S Nông nghi p và Phát tri n nông thôn t i T trình s 1293/TTr-SNN ngày 28/6/2016 v vi c ngh phê duy t án kiên c hóa kênh m ng giai o n 2016 - 2025 trên a bàn t nh Tuyên Quang;

ng h c a Giám c S K ho ch và u t t i Báo cáo s 400/BC-SKH ngày 11/7/2016 v vi c th m nh án kiên c hóa kênh m ng giai o n 2016 - 2025 trên a bàn t nh Tuyên Quang,

QUY T NH:

í u 1. Phê duy t án kiên c hóa kênh m ng giai o n 2016 - 2025 trên a bàn t nh Tuyên Quang, v i nh ng n i dung ch y u sau:

I. M C TIÊU C A ÁN

- n n m 2020: T l kênh m ng toàn t nh c kiên c hóa t trên 70%, m b o ch ng ngu n n c ph c v cho trên 38.000 ha lúa, rau màu, nuôi tr ng th y s n và t o ngu n n c áp d ng công ngh t i tiên ti n, ti t ki m n c cho kho ng 1.000 ha cây tr ng c n t p trung (cam, chè, mía...).

- n n m 2025: T l kênh m ng toàn t nh c kiên c hóa t trên 90%, m b o ch ng ngu n n c ph c v s n xu t nông nghi p. Trong ó t o ngu n n c áp d ng công ngh t i tiên ti n, ti t ki m n c cho trên 2.000 ha cây tr ng c n t p trung (cam, chè, mía...) t t l trên 10%.

II. NHI M V , NGU N V N TH C HI N ÁN

1. Nhi m v

T 2016 - 2025, kiên c hóa: 1.514 km (làm l i kênh b h h ng 380 km, xây m i 1.134 km), c th :

- Giai o n t 2016 - 2020, kiên c hoá: 780 km kênh m ng (làm l i kênh b h h ng 280 km, xây m i 500 km).

- Giai o n t 2021 - 2025, kiên c hoá: 734 km kênh m ng (làm l i kênh b h h ng 100 km, xây m i 634 km).

2. Công ngh l a ch n

L p ghép kênh b ng c u ki n bê tông úc s n (Kênh Parabol thành m ng c t s i thép phân tán mác 500).

3. Kinh phí th c hi n án và chính sách h tr

3.1. T ng kinh phí th c hi n án: 1.234.157,33 tri u ng, trong ó:

- Giai o n 2016 - 2020: T ng s kênh c n kiên c hoá là 780 km (làm l i kênh b h h ng 280 km, xây m i 500 km); kinh phí th c hi n c tính: 635.787 tri u ng.

- Giai o n 2021 - 2025: T ng s kênh c n kiên c hoá 734 km kênh m ng (làm l i kênh b h h ng 100 km, xây m i 634 km); kinh phí th c hi n c tính: 598.369 tri u ng.

3.2. Ngu n v n và chính sách h tr

- Ngân sách Nhà n c h tr 100% c u ki n bê tông úc s n, g i và chi phí v n chuy n b c x p n trung tâm xã là 446.535 tri u ng. Ngu n v n th c hi n bao g m: kinh phí c p bù thu l i phí, kinh phí h tr b o v và phát tri n t lúa, ngu n xây d ng c b n t p trung, ngu n xây d ng nông thôn m i, ngu n ch ng trình gi m nghèo, ngu n v t thu, ngu n v n vay khác, ...

- Nhân dân đóng góp công ào, p t, v t t , v t li u ph thi công m i n i c u ki n; v n chuy n c u ki n t a i m t p k t và thi công l p t hoàn thi n công trình là 124.043 tri u ng.

4. Phân k u t

4.1. Th c hi n kiên c hoá kênh m ng giai o n 2016 - 2020: T ng s kênh c n kiên c hoá là 780 km c tính: 635.787 tri u ng

a) D ki n xây d ng kênh m ng l ng ghép th c hi n trong các d án u t xây d ng công trình thu l i, ngu n kh c ph c h u qu thiên tai do Trung ng h tr : th c hi n 80 km t ng ng: 65.209 tri u ng.

b) D ki n th c hi n b ng chính sách nhà n c h tr , nhân dân óng góp 700 km, t ng kinh phí 570.578 tri u ng. Trong ó Nhà n c: 446.535 tri u ng, nhân dân óng góp 124.043 tri u ng.

4.2. Th c hi n kiên c hoá kênh m ng giai o n 2021 - 2025: T ng s kênh kiên c hoá 743 km c tính: 598.369 tri u ng

Ti p t c huy ng các ngu n v n, ngu n l c và c ch , chính sách h tr nh giai o n 2016-2020 th c hi n.

(Có bi u t ng h p k ho ch th c hi n kèm theo)

III. GI I PHÁP T CH C TH C HI N

Thành l p Ban ch o kiên c hóa kênh m ng c a t nh do Phó Ch t ch y ban nhân dân t nh làm Tr ng ban, Giám c S Nông nghi p và Phát tri n nông thôn làm Phó Tr ng ban Th ng tr c, Chi c c Th y l i là V n phòng Ban ch o, thành viên là các s , ban, ngành liên quan.

1. Trách nhi m c a các s ngành, chính quy n a ph ng

1.1. Trách nhi m c a S Nông nghi p và Phát tri n nông thôn

- Là c quan Th ng tr c, ch o V n phòng Ban ch o và các n v liên quan t ng h p, báo cáo, tham m u giúp y ban nhân dân t nh, Ban ch o kiên c hóa kênh m ng c a t nh ch o tri n khai th c hi n án.

- Ban hành h ng d n l p k ho ch, l p h s thi t k m u, l p d toán m u, trình t k thu t thi công kênh, nghi m thu ... và t ch c t p hu n h ng d n tri n khai th c hi n, m b o hi u qu , d th c hi n i v i c s .

- Hàng n m ph i h p S K ho ch và u t t ng h p k ho ch, xu t phân b v n kiên c hóa kênh m ng cho n m ti p theo trên c s báo cáo c a các huy n, thành ph phù h p v i m c tiêu, nhi m v c a án, trình y ban nhân dân t nh quy t nh.

- Ph i h p v i S Tài chính, t ng h p kinh phí trình y ban nhân dân t nh quy t nh.

- Hội đồng Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện việc kiên cố hóa kênh mương theo mục tiêu, nội dung án cấp duy t, mbohiuqu theo ứng quy nh.

- Chủ trách nhiệm kiểm tra, ôn các cơ quan, nvl liên quan thực c, trìn khai thực hi n; tng h p k t qu thực hi n; xu t các gi i pháp k p th i, nh m x lý các v ng m c trong quá trình thực c, trìn khai thực hi n án.

- Hàng năm, tham m u cho Ủy ban nhân dân tnh tng k t rút kinh nghiệm công tác kiên cố hóa kênh m ng. Tng h p, xu t thi ua khen th ng các thực c, cá nhân có thành tích óng góp trong phong trào kiên cố hóa kênh m ng.

- Chủ trì, ph i h p v i các ngành chức n ng liên quan tham m u cho Ủy ban nhân dân tnh, Ban chỉ o kiên cố hóa kênh m ng c a tnh ban hành quy nh phân c p trách nhiệm thực c thực hi n i v i các c p, các ngành, trình t , th t c các b c thực hi n ut xây d ng; l a ch n nhà th u cung ng c u ki n kênh Parabol thành m ng c t s i thép phân tán mức 500 theo quy nh c a lu t u th u và c ch qu n lý, cung ng c u ki n, thanh quy toán thực c thực hi n.

- Là chủ ut qu n lý c u ki n và vi c cung ng c u ki n cho t t c các xã thực hi n theo nội dung c a án; chủ trì, ph i h p v i S K ho ch và ut , các cơ quan, nvl liên quan, c n c quy nh hi n hành c a Nhà n c thực c u th u r ng rãi, l a ch n nhà th u cung ng c u ki n kênh Parabol thành m ng c t s i thép phân tán mức 500, cung ng cho t t c các xã thực hi n theo nội dung c a án.

1.2. S K ho ch và ut

- Chủ trì, ph i h p v i S Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, S Tài chính l p k ho ch, cân i b trí ngân sách hàng năm thực hi n án; thực c th m nh, trình Ủy ban nhân dân tnh phê duy t k ho ch và giao v n ut kiên cố hoá kênh m ng hàng năm b o m hoàn thành mục tiêu c a án.

- Chủ trì, ph i h p v i S Tài chính, S Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các S ngành liên quan tham m u cho Ủy ban nhân dân tnh huy ng các ngu n v n thực hi n án kiên cố hoá kênh m ng.

- Chủ trì, ph i h p v i S Tài chính phân b kinh phí h tr ut kênh m ng theo k ho ch c Ủy ban nhân dân tnh phê duy t.

- Ph i h p v i S Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong vi c l a ch n nhà th u cung ng c u ki n kênh Parabol thành m ng c t s i thép phân tán mức 500 và tham m u cho Ủy ban nhân dân tnh thực c vi c qu n lý, cung ng c u ki n cho các xã thực hi n.

1.3. S Tài chính

- Ph i h p v i S Nông nghi p và Phát tri n nông thôn, S K ho ch và u t l p k ho ch b trí v n hàng n m th c hi n án.

- Ch trì, ph i h p v i S K ho ch và u t tham m u cho y ban nhân dân t nh v vì c c p phát v n; cân i ngân sách, kh n ng tr n và ph ng án vay v n trong k ho ch hàng n m th c hi n án kiên c hóa kên m ng.

- H ng d n công tác thanh toán, quy t toán v n u t kiên c hóa kên m ng theo úng quy nh c a Nhà n c; ki m tra công tác qu n lý tài chính trong quá trình t ch c th c hi n, m b o hi u qu , úng quy nh hi n hành.

1.4. Các S , ban, ngành c p t nh

Theo ch c n ng, nhi m v c giao ch ng ph i h p v i các S , ngành liên quan trong quá trình t ch c th c hi n án.

1.5. y ban nhân dân c p huy n

- Thành l p Ban ch o kiên c hóa kên m ng c p huy n do Phó Ch t ch y ban nhân dân huy n làm Tr ng ban, Tr ng Phòng Nông nghi p và Phát tri n nông thôn làm Phó Tr ng ban Th ng tr c, thành viên là các phòng, ban có liên quan.

- y m nh công tác tuyên truy n, v n ng các t ch c kinh t , t ch c xã h i ngh nghi p, các oàn viên, h i viên và nhân dân th c hi n t t các ch tr ng ng l i c a ng, c ch , chính sách c a Nhà n c, c a t nh v xây d ng kiên c hóa kên m ng.

- Xây d ng k ho ch th c hi n án hàng n m t i a ph ng, trình S Nông nghi p và Phát tri n nông thôn, S K ho ch và u t , S Tài chính th m nh; Trên c s k ho ch kiên c hóa kên m ng c giao ch o và t ch c th c hi n theo phân c p; tri n khai huy ng các ngu n l c t i a ph ng, l ng ghép các ngu n v n u t và ch o y ban nhân dân c p xã huy ng nhân dân óng góp th c hi n kiên c hóa kên m ng theo úng tỉ n , k ho ch c duy t.

- Ch u trách nhi m tr c y ban nhân dân t nh v toàn b quá trình t ch c th c hi n vì c u t xây d ng kiên c hóa kên m ng trên a bàn, b o m theo úng quy nh.

- Ch o, h ng d n, ôn c các xã th c hi n kiên c hóa kên m ng theo k ho ch và nghi m thu, thanh quy t toán kinh phí u t xây d ng m b o k p th i, úng quy nh.

- Th c hi n ch báo cáo quý, n m, t xu t v k t qu th c hi n án kiên c hóa kên m ng trên a bàn g i v S Nông nghi p và Phát tri n nông thôn t ng h p báo cáo y ban nhân dân t nh, ng g i S K ho ch và u t , S Tài chính theo dõi.

- Hàng năm tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm về quá trình thực hiện kế hoạch hóa kênh mương trên địa bàn, tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

1.6. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Thành lập Ban chỉ đạo kế hoạch hóa kênh mương của xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã làm Trưởng ban, thành viên là trưởng các ban, ngành, đoàn thể của xã và trưởng thôn, xóm, bản.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực thực hiện chỉ thị, chính sách của tỉnh về kế hoạch hóa kênh mương; mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện án kế hoạch hóa kênh mương.

- Tham mưu, xuất ý Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc lựa chọn ưu tiên xây dựng, kế hoạch kế hoạch hóa kênh mương bám sát phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất và mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp của địa phương.

- Chịu trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch kế hoạch hóa kênh mương cụ thể theo phân cấp, mức độ tiến độ, ứng trình tiến độ, thực tế, huy động nguồn xây dựng theo quy định của Nhà nước. Tổ chức phối hợp huy động nhân dân địa phương đóng góp thực hiện kế hoạch hóa kênh mương theo kế hoạch cụ thể.

- Hàng năm thực hiện quy toán kinh phí đầu tư kế hoạch hóa kênh mương theo quy định; công khai kết quả huy động đóng góp, kết quả đầu tư kế hoạch hóa kênh mương trên địa bàn nhân dân biết, đồng ý và kiểm tra nhân dân cùng tham gia quản lý, giám sát theo quy định dân chủ xã hội.

- Thực hiện chế độ báo cáo hàng quý, năm và tổng kết kết quả thực hiện kế hoạch kế hoạch hóa kênh mương trên địa bàn về Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Hàng năm tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm về quá trình thực hiện kế hoạch hóa kênh mương trên địa bàn báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1.7. Các nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi

- Lập kế hoạch và thực hiện đầu tư tiến độ phù hợp mức độ thi công kế hoạch hóa kênh mương cụ thể thu nhập, phù hợp thực tế, đáp ứng yêu cầu vận hành công trình, vận hành vận hành sản xuất; tham gia cùng Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch và toàn bộ quá trình thực hiện kế hoạch hóa kênh mương ở vị trí công trình do mình quản lý.

- Tiếp nhận công trình hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng theo đúng quy định, mức độ an toàn, phát huy hiệu quả phục vụ sản xuất.

- Thực hiện trách nhiệm, quy định về bảo vệ, quản lý khai thác công trình thủy lợi theo quy định của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi; Quy định số 21/2013/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh...

2. Trách nhiệm của tổ chức xã hội, đoàn thể

- Tuyên truyền vận động nhân dân nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác xây dựng, quản lý khai thác bảo vệ công trình thủy lợi.

- Khuyến khích Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp kiểm tra giám sát việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở; vận động nhân dân xây dựng và hưởng ứng tích cực các phong trào xây dựng nông thôn mới; huyện, thị xã và thị trấn, đặc biệt là trong nhân dân thực hiện thành công mục tiêu, nhiệm vụ cơ bản. Cùng với các cấp, ngành, địa phương xây dựng, giám sát, vận động nhân dân thực hiện các quy định, quy chế, hương ước làng xã nông thôn mới.

Điểm 2. Giao trách nhiệm

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện khai thác hiệu quả các nguồn vốn ngân sách hàng tháng thông qua báo cáo, xuất bản pháp chế để thực hiện án này với Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố căn cứ án của Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch chi tiết và thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ cơ bản địa phương mình; hàng tháng báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh (theo dõi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông qua báo cáo).

3. Các sở, ban, ngành thực hiện ý chỉ của Ủy ban nhân dân theo quy định của pháp luật; đồng thời có trách nhiệm thực hiện nội dung án của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điểm 3. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này./.

Nội dung:

- Thông tư của Tỉnh ủy;
 - Thông tư của HĐND tỉnh;
 - Chỉ thị UBND tỉnh;
 - Các PCT UBND tỉnh;
 - Nghị quyết;
 - Các Phó CVP UBND tỉnh;
 - Trưởng Phòng KT CNLN;
 - Lưu VT, (Đt 60).
- (Báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ã ký

Nguyễn Minh Quang